

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-ST

Ngày: 12/9/2017

*“V/v tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;
2. Bà Hà Mộng Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2013/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2013 về việc *“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐST - DS ngày 26/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2017/QĐST - DS ngày 25/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1965 - chủ hộ kinh doanh Thanh Xuân, địa chỉ: Số 664, tổ 20, khóm H, phường V, thành phố Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang.

Bị đơn :

Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1972,

Địa chỉ: Tổ 09, khóm Châu T, phường C, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 664, tổ 20, khóm H, phường V, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1974,

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 575/31/11, đường Cách mạng tháng tám, phường 15, quận 10, thành phố H.

Địa chỉ hiện nay: Số 35B1, đường Nguyễn Thượng H, phường Bình K, thành phố L, tỉnh An Giang.

Quán cà phê KK, tổ 14, khu vực Long TA (Trung tâm thương mại), phường T, quận T, thành phố C.

3. Anh Võ Đức N, sinh năm 1973,

Địa chỉ: số 169/3, khóm Đ, phường Đông X, thành Phố L, tỉnh An Giang.

4. Anh Trần Hoàng E (Hoàng L), sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 04, khóm Bình K, phường Bình K, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

Anh Mai Ngọc A, sinh năm: 1983. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 235/95/6A, đường NKKN, phường 7, quận 3, thành phố H.

Ông X có mặt tại phiên tòa.

Anh T, anh N, anh Mai Ngọc A và anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị H và anh Hoàng E (Hoàng L) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Phần trình bày ý kiến của các đương sự:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 10/9/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông (Nguyễn Văn X) là chủ hộ kinh doanh Thanh X – kinh doanh: dịch vụ cầm đồ, ông là người đứng tên giấy phép kinh doanh. Do công việc làm ăn nên ông giao cho Nguyễn Hữu T (con trai ông) là người trực tiếp quản lý dịch vụ cầm đồ Thanh X cho ông. Ngày 11/01/2012 anh T có nhận cầm của anh Nguyễn Thành T, 01 chiếc xe SHI màu trắng, biển số 59F1 – 018.90 mang tên Nguyễn Thanh H, địa chỉ: số 610/8, đường Đ, phường 1, quận 3, thành phố H giá cầm là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Thời hạn cầm 01 tháng; lãi suất: 5%/tháng; Hai bên có làm hợp đồng cầm cố tài sản. Anh T đóng lãi 04 tháng thì ngưng cho đến nay.

Ngày 19/6/2012 Công an thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) có đến cửa hàng kiểm tra và phát hiện chiếc xe hiệu SHI mang biển số 59F1 – 018.09 màu trắng mang tên Nguyễn Thanh H mà anh Nguyễn Thành T cầm cho anh T, qua kiểm tra cho biết Giấy chứng nhận đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp. Chiếc xe do Công an thị xã Châu Đốc tạm giữ chờ xử lý vì Giấy xe là giả và nay đã có Quyết định tịch thu (Quyết định số 02/QĐTTTVPT ngày 18/01/2013 Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Công an thành phố Châu Đốc, tịch thu đối xe mô tô SH150I; màu sơn trắng; số

khung: *ZDCKF08A08F226805*; số máy: KF08E*0159148*KTG E1). Nay ông (Nguyễn Văn X) có yêu cầu anh Nguyễn Thành T hoàn trả số tiền số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh thừa nhận anh là người cầm xe SH màu trắng dùm cho chị Nguyễn Thị Kim H (chị vợ của anh), sinh năm 1974, nơi cư trú: số 35B1, đường Nguyễn Thượng H, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, chị H có nhờ anh đi cầm dùm nên anh đã cầm xe dùm cho chị H còn việc chiếc xe này nguồn gốc từ đâu thì anh không biết, anh chỉ nghe chị H nói chiếc xe SH màu trắng này là của chị cầm từ anh Võ Đức N, nơi cư trú: số 169/3, khóm Đ, phường Đ, thành Phố L. Anh đóng lãi cho anh Tài được khoảng 5 – 6 tháng, từ khi phát hiện xe giả cho đến nay anh không có đóng lãi nữa. Yêu cầu của ông Nguyễn Văn X kiện anh phải trả tiền vốn 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng và tính lãi suất, anh không chấp nhận vì anh chỉ cầm dùm cho chị H nên anh không chịu trách nhiệm trả 70.000.000 đồng.

Các người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Ông Nguyễn Văn X - cha anh là chủ hộ đăng ký kinh doanh Thanh Xuân (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh số 52B8008977 đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 12/01/2012; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/02/2012 do Phòng Tài Chánh kế hoạch thị xã Châu Đốc cấp ngành nghề kinh doanh: cầm đồ, cha anh (X) giao cho anh là người trực tiếp và theo dõi việc cầm đồ tại cửa hàng Thanh Xuân. Vào ngày 11/01/2012 anh có nhận cầm của anh Nguyễn Thanh T 01 chiếc xe SH 150i màu trắng, biển số 59F1 - 018.09 mang tên Nguyễn Thanh H giá 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Anh T có đóng lãi cho ông 04 tháng lãi, đến khi Công an thị xã Châu Đốc đến nhà kiểm tra và tạm giữ chiếc xe trên và khi Công an thị xã Châu Đốc mời anh đến giải quyết thì anh mới biết sự việc, giấy tờ xe trên không do cơ quan có thẩm quyền cấp. Xe hiện Công an tạm giữ xe và nay đã có quyết định tịch thu chiếc xe trên.

Chị Nguyễn Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Tòa án cung cấp lời khai, tuy nhiên tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc) và tại Tòa án ngày 20/6/2013 chị trình bày: T là em rể của chị. Về nguồn gốc chiếc xe hiệu SHI mang biển số 59F1 – 018.09 màu trắng mang tên Nguyễn Thanh H, chị nhờ anh T cầm dùm là của anh Võ Đức N (NL), sinh: 1973, nơi cư trú: 169/3, khóm Đ, phường Đ, thành phố Long X, tỉnh An Giang. Do anh N nợ tiền của chị, nên vào khoảng 01/2012 khi chị đến đòi nợ anh N thì Ngọc hiện không có tiền trả, Ngọc nói với chị là anh có chiếc xe máy loại SH150i; màu trắng; biển số kiểm soát số 59 F1 - 018.09 kêu chị đi cầm đỡ được bao nhiêu tiền thì N trả tiền cho chị và hàng tháng N sẽ gởi tiền đóng lãi cầm xe, chị H đồng ý nên sau đó N (L) có nhờ anh vợ của N (chị không biết tên) chạy xe lên Châu Đốc đưa cho T (em rể của chị)

đi cầm dùm và hẹn khi nào có tiền thì N sẽ chuộc xe ra. Sau khi T đem xe đi cầm được 70.000.000 đồng thì T có đưa tiền cho chị và chị có báo N (L) biết đã cầm xe được 70.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay N không đưa cho chị tiền lãi cho chị (cầm xe vào tháng 01/2012), lãi 4%/tháng, chị gửi tiền cho Tâm đóng 04 tháng lãi. Công an bắt giữ xe, chị (KH) có đến báo cho N biết, anh N không trả lời máy điện thoại của chị, chị có nhắn tin nhưng N không trả lời; đến nhà thì lánh mặt và sự việc kéo dài cho đến nay.

Ngày 25/10/2012 Công an thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc) có mời chị đến lấy lời khai thì chị mới biết giấy tờ xe là giấy giả. Việc nguyên đơn (T) kiện đòi (T) là em rể của chị số tiền 70.000.000 đồng cùng với lãi suất theo quy định của pháp luật thì chị sẽ làm đơn kiện N tại Công an thành phố LX để đòi số tiền cầm xe 70.000.000 đồng - tiền lãi từ khi cầm xe (Lời khai thể hiện theo vụ án dân sự thụ lý số 26/2013/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2013 mà Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo đó người khởi kiện là anh Nguyễn Hữu T).

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Võ Đức N trình bày:

Anh (Võ Đức N) có nợ tiền của chị H, do không có tiền trả cho chị H nên anh có đưa chiếc xe máy loại SH150i; màu trắng; biển số kiểm soát số 59 F1 - 018.09 mang tên Nguyễn Thanh H; ĐKTT: Số 610/8, đường Đ, phường 1, Quận 3, thành phố H cho H đi cầm được 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Nguồn gốc chiếc xe trên anh có được là do anh nhận cầm của Trần Hoàng E (H), sinh năm: 1984, nơi cư trú: khóm Bình K, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, anh Hoàng E (H) đem cầm cho anh giá 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Hoàng E (H) hẹn khi nào có tiền sẽ chuộc lại. Anh có hỏi Hoàng E (H) nguồn gốc chiếc xe trên thì Hoàng E (H) cho anh biết chiếc xe trên mua của ông D sửa xe trước cửa Phòng Cảnh sát chữa cháy - Công an tỉnh An Giang với giá 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Ngày 05/11/2012 Công an thị xã Châu Đốc có mời anh đến lấy lời khai thì anh mới biết giấy tờ xe là giấy giả. Anh N có ý kiến là sẽ kiện Trần Hoàng E (H) trả lại cho anh 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng bằng một vụ án khác.

Anh Trần Hoàng E (Hoàng L) đã được Công an phường B, thành phố Long X xác nhận không có địa phương. Tòa án tiến hành niêm yết thông báo đưa người có quyền và nghĩa vụ liên quan số 22/TBTLVA ngày 19/7/2017 và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 411/2017/TB – TA ngày 19/7/2017 tại nhà; tại Ban khóm B và tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Long X, nhưng anh Hoàng E (HL) không đến và không giao nộp ý kiến của anh cho Tòa án.

Người làm chứng:

- Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng anh Mai Ngọc A trình bày:

Anh (Mai Ngọc A) có đứng tên chiếc xe hiệu SYM màu đỏ mang biển số 59F1 – 018.09, chiếc xe trên anh mua vào ngày 30/12/2010 tại ngã tư P, quận P, thành phố HCM giá 30.000.000 đồng, anh làm thủ tục sang tên và được cấp biển số kiểm soát là 59F1 – 018.09. Anh có yêu cầu không tham gia các phiên hòa giải, đối chất của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành. Việc hòa giải vắng mặt chị H, anh T; anh Hoàng E (HL); anh T có yêu cầu không tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Anh X chỉ yêu cầu anh T trả cho anh 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T, anh N, chị H; anh T và anh N.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 11/01/2012 anh T có nhận cầm của anh Nguyễn Thành T, 01 chiếc xe SHI màu trắng, biển số 59F1 – 018.90 mang tên Nguyễn Thanh H, địa chỉ: số 610/8, đường Đ, phường 1, quận 3, thành phố HCM giá cầm là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Thời hạn cầm 01 tháng; lãi suất: 5%/tháng; Hai bên có làm hợp đồng cầm cố tài sản. Anh T đóng lãi 04 tháng thì ngưng cho đến nay.

Ngày 19/6/2012 Công an thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc) có đến cửa hàng kiểm tra và phát hiện chiếc xe hiệu SHI mang biển số 59F1 – 018.09 màu trắng mang tên Nguyễn Thanh H mà anh Nguyễn Thành T cầm cho anh T, qua kiểm tra cho biết Giấy chứng nhận đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp. Chiếc xe do Công an thị xã Châu Đốc tạm giữ chờ xử lý vì Giấy xe là giả và nay đã có Quyết định tịch thu (Quyết định số 02/QĐTTTVPT ngày 18/01/2013 Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Công an thành phố Châu Đốc, tịch thu đối xe mô tô SH150I; màu sơn trắng; số khung: *ZDCKF08A08F226805*; số máy: KF08E*0159148*KTG E1). Ông

(Nguyễn Văn X) có yêu cầu anh Nguyễn Thành T hoàn trả số tiền số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy quan hệ cầm cố tài sản (xe mô tô) giữa tiệm cầm đồ Thanh Xuân với ông T là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật (ông T không có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và không có giấy ủy quyền hợp pháp của chủ sở hữu tài sản), ông X biết là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên hợp đồng trên vô hiệu. Nên ông T phải trả cho ông X 70.000.000 đồng. Chiếc xe hiện bị Công an thị xã Châu Đốc ra Quyết định tịch thu đối với chiếc xe mô tô SH150I; màu sơn trắng; số khung: *ZDCKF08A08F226805*; số máy: KF08E*0159148*KTG E1) mang tên Nguyễn Thanh H; nên không đề cập đến giải quyết. .

Đối với các quan hệ giữa bà Hoàng với ông N; ông N với ông Hoàng E, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Ông X xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền:

Ông Nguyễn Văn Xị khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thành Tâm hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị H, anh T, anh T, anh N, anh Hoàng E (HL) vắng mặt, anh T, anh T, anh Mai Ngọc A và anh N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

* Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Ông X yêu cầu yêu cầu anh T hoàn trả cho anh số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, vì đây là khoản tiền mà con trai ông là anh (T) nhận cầm cho anh T 01 chiếc xe SH 150i màu trắng, biển số 59F1 - 018.09 mang tên Nguyễn Thanh H giá 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng vào ngày 11/01/2012. Anh T có đóng lãi cho T được 04 tháng lãi và anh cho biết sở dĩ anh kiện anh T trả tiền cho anh là do Công an thị xã Châu Đốc (nay thành phố Châu Đốc) đến nhà kiểm tra và tạm giữ chiếc xe trên, khi Công an thị xã Châu Đốc mời anh đến giải

quyết thì anh mới biết giấy tờ xe trên không do cơ quan có thẩm quyền cấp và đã có quyết định tịch thu chiếc xe trên.

Anh Nguyễn Thành T giao nộp bằng tự khai, nội dung thể hiện anh thừa nhận có đến cửa hàng Thanh Xuân cầm chiếc xe SH 150i màu trắng, biển số 59F1 - 018.09 mang tên Nguyễn Thanh H giá 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng vào ngày 11/01/2012 dùm cho chị vợ tên Nguyễn Thị Kim H. Anh giao tiền cho chị H, anh không liên quan gì đến vụ án, nên không chấp nhận bồi thường cho ông Nguyễn Văn X.

Qua xem xét hồ sơ và kết quả trả lời theo công văn số 181/CV ngày 29/5/2017 V/v trả lời kết quả điều tra vụ sử dụng giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy không do cơ quan có thẩm quyền cấp” do Công an thành phố Châu Đốc có nội dung thể hiện:

Ngày 25/6/2012 CSĐT tội phạm về TTXH kết hợp Đội CSQLHC về ANTT tiến hành kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Thanh Xuân do ông Nguyễn Văn X làm chủ, phát hiện tại cơ sở có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu: Honda, số loại: SH150i, màu trắng, biển kiểm soát: 59F1 – 018.09 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy do ông Nguyễn Thanh H, nơi đăng ký HKTT: 610/8, đường Đ, phường 1, quận 3, thành phố HCM đứng tên chủ sở hữu, nghi vấn sử dụng giấy CNĐK xe mô tô, gắn máy không do cơ quan có thẩm quyền cấp (Giấy giả) nên tiến hành lập biên bản tạm giữ phương tiện để điều tra xử lý.

Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông đường bộ, ngày 05/7/2012 của Công an quận 3, thành phố HCM thì phương tiện mô tô, xe gắn máy, biển kiểm soát : 59F1 – 018 – 09 là xe nhãn hiệu Hon da, số loại: ATILA, màu đỏ đen, số máy: BAD 0592111 số khung: DAD059211 do anh Mai Ngọc A, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 251B, đường N, phường 7, quận 3, thành phố HCM đứng tên chủ sở hữu.

Theo kết luận giám định số 194/GT/2012 ngày 14/9/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang thì Giấy chứng nhận đăng ký xe Mô tô, gắn máy biển số đăng ký 59F1 = 018.09, số 021997 là giả.

Ngày 18/01/2013, Công an thành phố Châu Đốc đã ra Quyết định số 02/QĐTTTVPT do Đ/c Đại tá Nguyễn Văn Minh – Trưởng Công an thành phố Châu Đốc ký Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sung công quỹ Nhà nước theo quy định đối với xe Mô tô, nhãn hiệu Hon da; số loại SH150i; màu trắng; Số khung: *ZDCKF08A08F226805*; Số máy: KF08E*0150148*KTGE1...”.

Đối chiếu theo quy định của pháp luật trong trường hợp này, nhận thấy rằng, ông Nguyễn Văn X - chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ Thanh Xuân có giấy phép kinh doanh hoạt động đúng quy định của pháp luật.

Anh T là người trực tiếp cầm xe cho dịch vụ cầm đồ Thanh Xuân, do anh T là người trực tiếp quản lý kinh doanh cho ông X nhận cầm chiếc xe trên. Chiếc xe hiện Công an thị xã Châu Đốc có quyết định sung công quỹ Nhà nước

(giấy giả). Tuy nhiên, thấy rằng việc anh T nhận cầm xe của anh T, nhưng giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Thanh H, người đi cầm là anh Nguyễn Thành T, nhưng vẫn cầm cố, trong quan hệ giao dịch này buộc anh T phải biết anh T đang quản lý xe không hợp pháp. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông X trình bày ngay từ đầu anh T đã không đồng ý cầm xe nhưng anh T là người quen sinh sống tại Châu Đốc và anh T xin chịu trách nhiệm về chiếc xe trên, vì tin tưởng chỗ quen biết, nên anh T có điện thoại báo cho ông biết và ông đã đồng ý cầm. Xét chiếc xe SH SH150i; màu trắng; Số khung: *ZDCKF08A08F226805*; Số máy: KF08E*0150148*KTGE1...mang tên Nguyễn Thanh H” mà anh T nhận cầm của anh T nên xem là trái quy định của pháp luật nên hợp đồng trên là vô hiệu, nên buộc anh T có trách nhiệm trả cho ông X vốn gốc 70.000.000 đồng (Xi) là chủ dịch vụ cầm đồ (Ông X không yêu cầu tính lãi nên không đề cập đến giải quyết).

Theo quy định tại Điều 340 Bộ luật dân sự: “...thì tài sản cầm cố, giấy tờ chứng nhận Quyền sở hữu được trả lại cho người cầm cố..”, do kết quả giám định giấy xe giả nên Công an thị xã Châu Đốc ra Quyết định số 02/QĐTTTVPT ngày 18/01/2013 QĐ tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chánh chiếc xe trên, tài sản không còn nên không đề cập đến giải quyết.

Quan hệ: giữa bà Kim H và ông Đức N, do bà H không cung cấp cho Tòa án ý kiến của bà tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án lại; giữa ông Đức N với ông Hoàng E (H), ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không yêu cầu trách nhiệm gì đối với bà H nên không đề cập đến giải quyết trong vụ án. Nếu các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với ông Nguyễn Thanh H, ĐKTT: Số 610/8, đường Đ, phường 1, Quận 3, thành phố HCM. Đã được Tòa án xác định là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Theo kết quả xác minh ngày 06/6/2013 thì Công an quận 3 xác nhận: “Địa bàn Phường 1, quận 3, thành phố HCM không có địa chỉ số 610/8, đường Đ...” Do đó Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông H được, do giấy xe là giấy giả, số nhà 610/8, đường Đ..không có, nên không đề cập đến quyền và nghĩa vụ trong vụ án.

[5] Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí:

Anh Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn X 70.000.000 đồng nên phải chịu 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông X 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009181 ngày 02/10/2013 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

- Về chi phí tố tụng: không.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 127, 137, 326, 341 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X.

Tuyên bố hợp đồng cầm cố xe SH SH150i biển số 59F1 = 018.09 mang tên Nguyễn Thanh H giữa dịch vụ cầm đồ Thanh Xuân (Nguyễn Văn X) và anh Nguyễn Thành T là vô hiệu.

Buộc anh Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn X: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thành T phải chịu 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông X 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009181 ngày 02/10/2013 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn X có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Hữu T, anh Võ Đức N, anh Trần Hoàng E (HL) và chị Nguyễn Thị Kim H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP. Châu Đốc (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kiều Nga